TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUANG BÌNH** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 76/2019/QĐST-HNGĐ	*Quang Bình, ngày 23 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 67/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/9/2019 về việc khởi kiện ly hôn, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1985; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; nơi ĐKHKTT: Tổ 5, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nơi tạm trú: Tổ 3, thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1983; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Tày; nơi cư trú: Tổ 3, thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212, khoản 1 Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15/10/2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15/10/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Th và anh Hoàng Văn D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Hoàng Văn D tự nguyện thuận tình ly hôn.

b. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Hoàng L, sinh ngày 17/8/2009, cháu Hoàng D, sinh ngày 05/7/2017 và Hoàng Phúc D, sinh ngày 31/5/2019; Anh Hoàng Văn D cấp dưỡng nuôi con đối với cháu L, cháu Hoàng D và cháu Hoàng Phúc D cho chị Th mỗi tháng là 1.500.000 đồng /01 cháu/1 tháng; phương thức cấp dưỡng theo từng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 01/10/2019 cho đến khi cháu L, Hoàng D và cháu Hoàng Phúc D đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

c. Về tài sản, công nợ chung: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 02345 ngày 12/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang. Chị Th được hoàn trả lại số tiền trênh lệch đã nộp là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Hoàng Văn D chịu án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Toà án ND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Q;
- CCTHADS huyện Q;
- UBND xã H, huyện B
(nơi đã thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP, AV.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hải Phương